TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/DS-PT
Ngày: 14/3/2023
V/v: "Chia thừa kế "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm Phán : Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Ông Đỗ Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bách Thiện Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 507/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc: "Chia thừa kế" :

Do bản án dân sự sơ thẩm số 109 ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXX-PT ngày 13/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1965;

Cư trú: Thôn 9, xã S, huyện Đ, Hà Nội. *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn M - Sinh năm: 1951;

Cư trú: Thôn 1, xã S, huyện Đ, Hà Nội.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1.Ông Nguyễn Tuấn M1– Sinh năm: 1948;

Cư trú: Thôn 1, xã S, huyện Đ, Hà Nội. *(Vắng mặt)*

3.2.Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1953;

Cư trú: Thôn 3, xã S, huyện Đ, Hà Nội. *(Vắng mặt)*

3.3.Ông Nguyễn Tuấn Đ – Sinh năm: 1955;

Cư trú: Thôn 1, xã S, huyện Đ, Hà Nội. (có mặt)

3.4. Bà Nguyễn Thị Minh T– Sinh năm: 1957;

Cư trú: Thôn 6, xã S, huyện Đ, Hà Nội. *(Vắng mặt)*

3.5. Ông Nguyễn Văn Đ – Sinh năm: 1967;

Cư trú: Thôn 1, xã S, huyện Đ, Hà Nội.

4. Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Minh H – sinh năm: 1951; Cư trú: Thôn 7, xã S, huyện Đ, Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị N – sinh năm: 1950; Cư trú: Thôn 4, xã S, huyện Đ, Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1971; Cư trú: Thôn 3, xã S, huyện Đ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại Đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày*:**

Về quan hệ huyết thống của bà Nguyễn Thị M – sinh năm 1950; chết ngày 23/10/2020 như sau:

Bố đẻ của Bà M là cụ Nguyễn Văn H (chết năm 1954), cụ H có hai vợ:

Vợ đầu là Nguyễn Thị N (chết năm 1968, tên thường gọi là N), có ba người con là: Nguyễn Văn H(chết năm 2002) có vợ là Nguyễn Thị S (chết năm 2005), có 01 con là Nguyễn Văn H chết năm 1976 không có vợ con. Ngoài ra ông H không có con đẻ, con nuôi nào khác; Nguyễn Thị T (tên thường gọi là G) chết năm 1992, không có chồng con; Nguyễn Văn T , chết năm 2016, có vợ là Nguyễn Thị L , chết năm 2010, có 08 người con chung là Nguyễn Tuấn M1(sinh năm 1948); Nguyễn Tuấn M (sinh năm: 1951), Nguyễn Thị T (sinh năm 1953), Nguyễn Tuấn Đ (sinh năm 1955), Nguyễn Thị Minh T(sinh năm 1957), Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1963, chết năm 1992, không có chồng con), Nguyễn Thị H (sinh năm 1965), Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1967). Ngoài ra ông T không có con đẻ, con nuôi nào khác.

Vợ hai là cụ Nguyễn Thị L chết năm 1974, có 01 người con chung là bà Nguyễn Thị M .

Ngoài ra, cụ H , cụ L không có con nuôi, con đẻ nào khác. Bố mẹ hai cụ đã chết từ lâu, chết trước hai cụ. Bà M không có chồng con.

Con cháu cụ H sinh ra và lớn lên ở xã S, hiện nay cụ H , cụ N , cụ L, bà T , ông H , bà S , ông T , bà L , bà L , ông H đều được chôn cất tại nghĩa trang Đình Sấu, xứ đồng S, xã S, Đ, Hà Nội.

Về nhà đất tại thửa đất số 635 tờ bản đồ số 2, thôn 3 xã S, huyện Đ, Hà Nội, thửa đất này đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB567879 ngày 18/9/2006 đứng tên bà Nguyễn Thị M , diện tích 83,9m^2, trên đất có 01 nhà cấp 4 và các công trình phụ khác. Khi còn sống, Bà M vẫn sinh sống một mình tại nhà đất này. Sau khi Bà M chết thì nhà khóa cửa, không ai ở, hiện ông Nguyễn Tuấn M quản lý.

Nhà đất trên hiện được gắn biển số nhà là số 14 Ngõ 48 đường S, thôn 3 xã S, huyện Đ, Hà Nội.

Khi còn sống Bà M thuộc trường hợp hộ nghèo và neo đơn được hưởng chế độ của xã. Bà M bị chết do mắc bệnh hiểm nghèo, trước khi chết bà vẫn minh mẫn, tỉnh táo, chỉ gặp khó khăn trong việc đi lại.

Trước khi chết Bà M có để lại Bản di chúc ngày 19/9/2020, bản di chúc này là do Bà M tự viết, tự định đoạt, không ai ép buộc. Bản di chúc có người chứng kiến gồm có bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1971, trú tại Thôn 3 xã S, huyện Đ, Hà Nội là hàng xóm của bà Mậu; bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1950, trú tại: Thôn 4 xã S, huyện Đ, Hà Nội; bà Nguyễn Thị Minh H – sinh năm: 1951; trú tại: Thôn 7 xã S, huyện Đ, Hà Nội. Bà Nguyệt và bà Hằng là bạn của bà Mậu. Cả ba người hiện đều sinh sống tại xã S, sức khỏe, nhận thức hoàn toàn

bình thường. Nay bà đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của Bà M là nhà đất trên theo di chúc. Trường hợp di chúc không có hiệu lực thì đề nghị Tòa án chia theo pháp luật, bà từ chối nhận phần thừa kế của mình và tặng lại cho Ông M phần thừa kế đó. Hiện nay bà đã có nơi ở ổn định. Ngoài ra, bà không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác. Ngoài ra, Bà M còn để lại 03 nhẫn vàng hiện Ông M đang giữ, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản hòa giải - bị đơn ông Nguyễn Tuấn M trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị M .

Khi Bà M còn sống, bố ông có dặn ông là phải có trách nhiệm chăm sóc Bà M đến cuối đời, nên 06 năm nay ông thường xuyên qua lại chăm sóc bà Mậu. Bà M cũng có lương nên Bà M chi tiêu bằng tiền lương của bà Mậu, còn ông cũng có phụ thêm tiền để đỡ đần.

Khoảng 2 – 3 tháng trước khi chết thì Bà M bị mắc bệnh về xương khớp và bệnh phổi, bệnh viện nghi mắc bệnh ung thư xương. Trong thời gian Bà M bị ốm thì gia đình ông có việc, vợ và con ông bị ốm cũng phải đi viện nên ông không chăm sóc Bà M được. Vì vậy ông đã nhờ bà H lên chăm sóc Bà M hộ.

Ba ngày trước khi Bà M chết thì Bà M có giao cho ông các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà đất tại số 14 Ngõ 48 đường S, huyện Đ, Hà Nội đứng tên bà Mậu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, Giấy nhận tiền đặt cọc ngày 26/11/2019 giữa Bà M và bà Nguyễn Thị Lan (giấy này có chữ ký của bà Mậu). Các giấy tờ này đều là bản chính.

Trước khi Bà M chết, tinh thần, đầu óc Bà M hoàn toàn minh mẫn tỉnh táo. Và ông cũng không nghe Bà M nói về việc lập di chúc.

Sau khi Bà M chết, thì bà H có giao cho ông 03 nhẫn vàng, mỗi nhẫn vàng là 02 chỉ, là vàng của Bà M và 70 triệu đồng. Ông đã dùng số tiền này để lo ma chay cho bà Mậu. Ông đã đứng ra cùng anh chị em trong nhà và bà con hàng xóm lo ma chay chôn cất cho bà chu đáo. Hiện nay tài sản của Bà M còn có 03 nhẫn vàng. Ông không có yêu cầu gì đối với ba nhẫn vàng này.

Về giá do Hội đồng định giá do Tòa án thành lập để tiến hành định giá di sản là nhà đất trên ông không có ý kiến gì. Đối với bản di chúc mà bà H yêu cầu chia thì ông có ý kiến như sau: Bản di chúc trên không có hiệu lực vì khi Bà M viết di chúc thì Bà M không còn minh mẫn, tại phần đầu di chúc Bà M viết "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Dân chủ công bằng văn minh" là đã thể hiện việc không minh mẫn của bà Mậu; phần tuổi thì có sửa chữa từ 70 tuổi sang 73 tuổi, diện tích đất là 83,8m^2 là không chính xác, thực tế trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 83,9m^2, tài sản trên đất là nhà 03 gian cấp 4 là không đúng; người làm chứng thì không đủ điều kiện là người làm chứng vì không chứng kiến Bà M viết và ký vào bản di chúc, chữ ký Bà M tại bản di chúc không đúng chữ ký của bà Mậu, bà H đã yêu cầu giám định di chúc nên ông không yêu cầu giám định lại, bản di chúc không được UBND xã chứng thực, dấu vân tay của Bà M tại bản di chúc không rõ ràng, do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Tuấn Đ trình bày:

Ông nhất trí với ý kiến của Ông M , đề nghị Tòa án không chia thừa kế tài sản trên mà để lại làm nơi thờ cúng và giao cho Ông M quản lý. Ý kiến này đã được toàn thể anh em trong gia đình gồm Ông M , bà Tín, bà Thường, ông Đông thống nhất tại Biên bản ngày 25/4/2022, ông Mạc không ký vào biên bản nhưng ông Mạc đã có ý kiến trình bày tại Tòa án. Về các di sản khác của bà Mậu, ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Tuấn M **, bà Nguyễn Thị Minh Tthống nhất trình bày:**

Về quan hệ huyết thống, ông bà thống nhất như lời khai của bà Hoa. Về di sản, thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là do cụ H và cụ Lmua được, khi cụ Lcòn sống, cụ Lvà Bà M ở trên đất này, còn cụ H , cụ N ở trên đất khác. Khi cụ Lchết một mình Bà M ở đó. Quá trình sống Bà M ở một mình, khi ốm đau toàn bộ anh chị em ông bà chăm sóc, đưa đi viện, sinh hoạt bình thường thì bà tự lo được, anh chị em ông bà không ai phải đóng góp nuôi bà. Trước khi bà mất, bà ốm nặng khoảng 02 tháng, bà H là người chăm sóc. Trước đây khi bố ông bà còn sống gia đình có phân công Ông M là người trực tiếp trông nom cho bà Mậu, nếu trông nom trọn vẹn thì đồng nghĩa với việc hưởng toàn bộ tài sản của bà. Khi bà H ra trông nom bà Mậu, gia đình Ông M cử bà H đến trông nom, còn Bà M có gọi cho bà H hay không thì ông bà không biết. Những ngày cuối đời Bà M phân chia tài sản cho ai thì bà không nói cho ông bà biết. Khi Bà M chết toàn bộ anh em đứng ra lo liệu bằng tiền của bà Mậu, anh em ông bà không phải đóng góp gì. Sau khi lo cho bà hết 49 ngày các anh em họp, ông Mạc là trưởng chủ trì cuộc họp, anh em đã thống nhất di sản của Bà M chia cho bà H và Ông M mỗi người 1/2, không lập biên bản gì. Sau cuộc họp anh em thống nhất nếu có di chúc thì gửi ông Mạc, bà H có thực hiện và đưa cho ông Mạc bản di chúc một thời gian, sau đó bà H đòi lại di chúc, lý do Ông M không thực hiện nên ông Mạc đã trả lại cho bà Hoa, trước khi trả ông Mạc đã thông báo cho các anh chị em biết. Nay bà H khởi kiện chia thừa kế với Ông M tài sản của Bà M theo di chúc, ông bà không đọc di chúc nên không có ý kiến gì. Trường hợp di chúc không được công nhận mà chia theo pháp luật thì ông Mạc không nhận phần thừa kế của mình, còn bà Tín đề nghị để lại kỷ phần của mình cho Ông M quản lý để làm nơi thờ cúng. Về các di sản khác của bà Mậu, ông bà không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị T **, ông Nguyễn Văn Đ thống nhất trình bày :**

Về quan hệ huyết thống, thống nhất với lời trình bày của bà Hoa. Khi Bà M còn sống, cụ H có dặn Ông M là phải có trách nhiệm chăm sóc Bà M đến cuối đời, nên 06 năm nay Ông M thường xuyên qua lại chăm sóc bà Mậu. Bà M cũng có lương nên chi tiêu bằng tiền lương của bà, còn Ông M cũng có phụ thêm tiền để đỡ đần. Bà M là người chịu khó, chăm chỉ, thường xuyên nhận việc thêu chăn thuê kiếm tiền. Khoảng 2 – 3 tháng trước khi chết thì Bà M bị mắc bệnh về xương khớp và bệnh phổi, bệnh viện nghi mắc bệnh ung thư xương. Trong thời gian Bà M bị ốm thì vợ Ông M bị đau tay nên không chăm sóc Bà M được, bà H là người thường xuyên ở cùng để chăm sóc bà Mậu. Bà H chăm sóc rất nhiệt tình chu đáo, cẩn thận, không ai chê vào đâu được. Trước khi chết Bà M vẫn tỉnh táo, minh mẫn, chỉ có đau chân nên hạn chế đi lại.

Về di sản của bà Mậu, ông bà được biết nhà đất tại số 14 ngõ 48 đường S, huyện Đ, Hà Nội là của bà Mậu. Còn giấy tờ nhà đất như thế nào thì không rõ.

Sau khi Bà M chết, anh em ông bà đứng ra lo ma chay cho bà, toàn bộ tiền lo ma chay là tiền của bà Mậu. Sau đó anh em họp bàn chia nhà đất của bà Mậu, thống nhất chia cho Ông M và bà H mỗi người một nửa, bà H đã mang di chúc gửi ông Mạc. Nhưng sau đó Ông M không nhất trí nên bà H lấy lại di chúc và khởi kiện chia thừa kế.

Việc Bản di chúc ngày 19/9/2020 của bà Nguyễn Thị M như thế nào thì ông bà không rõ, chỉ nghe các anh chị nói lại. Ông bà không có ý kiến gì về tính hợp pháp của di chúc, không yêu cầu giám định. Về nội dung bản di chúc thì ông bà cũng không có ý kiến gì.

Nay bà H yêu cầu chia di sản của Bà M theo bản di chúc mà bà H đã nộp cho Tòa án thì ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp di chúc không hợp pháp, ông bà cũng không có ý kiến gì, nếu phải chia theo pháp luật thì ông bà không có ý kiến, yêu cầu gì, đề nghị giải quyết theo pháp luật, ông bà đã có nơi ở ổn định. Đối với các di sản khác của bà Mậu, ông bà không rõ, không có ý kiến và yêu cầu gì.

Người làm chứng – bà Nguyễn Thị H trình bày :

Bà là hàng xóm cách nhà bà Nguyễn Thị M một nhà*, bà về làm dâu và* sống tại thôn 3 S từ năm 1990. Từ khi bà về sống gần nhà Bà M thì chỉ thấy Bà M sống một mình, không có chồng, con. Là hàng xóm với nhau nên bà và Bà M cũng có mối quan hệ tình làng nghĩa xóm, khi Bà M ốm thì bà cũng qua lại thăm bà. Bà M cũng quý mến bà vì bà là người thảo tính, quan tâm đến người khác. Tuy nhiên bà thường xuyên đi làm từ sáng đến tối nên cũng không có nhiều thời gian để qua lại với bà Mậu. Trước khi Bà M chết, bà bị ốm, bị đau chân, đi lại khó khăn, bà thấy có bà H hàng ngày ở cùng chăm sóc, còn đầu óc thì vẫn minh mẫn bình thường. Trước khi Bà M chết mấy ngày (bà không nhớ chính xác) thì Bà M có bảo bà H gọi bà sang nhờ tý việc, bà chạy sang thì Bà M nói là nhờ bà ký làm chứng vào bản Di chúc của bà. Bà M đưa cho bà bản Di chúc ngày 19/9/2020 mà Bà M đã viết và ký sẵn và bảo bà ký. Bà không xem nội dung bản di chúc do khi đó bà đang vội công việc nên bà chỉ ký chữ Huyền vào bản di chúc đó. Khi đó Bà M hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn. Chữ ký « Huyền » trong bản di chúc ngày 19/9/2020 mà Tòa án đưa cho bà xem đúng là chữ ký cuả bà. Sau khi ký xong thì bà trả lại cho Bà M và cũng không hỏi gì thêm mà đi về luôn. Khi ký vào bản di chúc của Bà M với tư cách người làm chứng theo đề nghị của Bà M thì chỉ có bà và bà Mậu, không có ai khác. Do bận công việc nên bà đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đề nghị không gửi giấy triệu tập cho bà.

Người làm chứng – bà Nguyễn Thị N trình bày :

Bà và bà Nguyễn Thị M là bạn thân của nhau, cùng sinh ra và lớn lên tại xã S nhưng khác thôn. Khi còn nhỏ, Bà M sống với mẹ là cụ Nguyễn Thị L tại nhà đất ở thôn 3 S, do cụ Llà vợ hai nên chỉ có hai mẹ con sống với nhau. Khi cụ Lmất thì Bà M sống một mình, không có chồng, con nuôi, con đẻ. Bà M là người chăm chỉ, sạch sẽ, tính chi tiết, cẩn thận. Khi còn trẻ, Bà M làm kế toán tại Hợp tác xã ươm tơ của xã S. Khoảng 06 năm trước khi chết, có Ông M là cháu gọi bằng cô có qua lại chăm sóc khi ốm đau, còn hàng ngày Bà M sống một mình. Thời gian trước khi chết, Bà M bị ốm do đau xương ở chân, khi đó

bà H (cháu gọi Bà M là cô) có nói là Bà M bị ung thư xương. Khoảng 02 tháng trước khi chết, gia đình Ông M có vợ bị đau tay phải đi viện, không qua lại chăm sóc Bà M được nên bà H đã qua ở hẳn cùng Bà M để chăm sóc đêm hôm. Thời gian bà H chăm sóc, Bà M rất ưng vì bà H chăm sóc rất tận tình, chu đáo, đi khám chữa cẩn thận. Trước khi mất, bà qua thăm Bà M thường xuyên, chị em vẫn nói chuyện, tâm sự với nhau. Bà M cũng nói chuyện về việc gia đình Ông M không qua lại chăm sóc được nên phải gọi bà H và bà rất ưng bà H chăm sóc. Bà không nhớ chính xác ngày nào nhưng khoảng mấy ngày trước khi Bà M chết thì Bà M có gọi bà đến và đưa cho bà bản Di chúc ngày 19/9/2020 mà Bà M đã viết và ký sẵn. Bà M nói là nhờ bà ký và người làm chứng vào bản Di chúc cho bà. Bà không xem nội dung di chúc, chỉ ký và viết tên mình vào. Chữ ký « Nguyệt – Nguyễn Thị N – người làm chứng thứ hai trong bản Di chúc ngày 19/9/2020 mà Tòa án đưa cho bà xem đúng là chữ ký và chữ viết của bà. Sau khi ký xong thì bà trả lại cho bà Mậu. Khi đó tinh thần Bà M hoàn toàn tỉnh toán, minh mẫn, cũng không có biểu hiện ép buộc gì khi viết bản di chúc. Khi bà ký bản di chúc đó thì chỉ có bà và bà Mậu, không có ai khác ở đó. Tại bản di chúc đã có chữ ký của bà Huyền là người làm chứng. Bà và Bà M là bạn bè nên việc làm chứng của bà là hoàn toàn khách quan, trung thực. Do tuổi già, sức khỏe yếu nên bà đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đề nghị không gửi giấy triệu tập cho bà.

Người làm chứng – bà Nguyễn Thị Minh H trình bày :

Bà và bà Nguyễn Thị M là người cùng xã nhưng khác thôn, chị em cùng sinh ra và lớn lên tại xã S, cùng trang lứa nên chơi thân thiết với nhau. Bố Bà M lấy hai vợ, Bà M là con vợ hai (mẹ là cụ Nguyễn Thị Lân), hai mẹ con sống với nhau tại thôn 3. Bà M không có chồng, con. Khi cụ Lchết thì Bà M sống một mình. Khi còn trẻ Bà M làm kế toán tại Hợp tác xã ươm tơ của xã S. Khoảng 06 năm trước khi chết, có Ông M là cháu gọi bằng cô có qua lại chăm sóc khi ốm đau, còn hàng ngày Bà M sống một mình. Thời gian trước khi chết, Bà M bị ốm do đau xương, bà thường xuyên qua lại hỏi thăm và thấy Bà M nói bị đau xương. Trong thời gian đó, khi đó cháu Hoa (cháu gọi Bà M là cô) ở lại cùng và chăm sóc rất tận tình, chu đáo, đưa đi viện khám. Thời gian trước khi chết, đầu óc tinh thần Bà M vẫn tỉnh táo, minh mẫn, không có biểu hiện lẫn lộn. Khoảng 04 ngày trước khi Bà M chết, bà qua thăm bà Mậu, khi bà đến Bà M có đưa cho bà bản di chúc ngày 19/9/2020 do Bà M đã viết và ký sẵn và bảo bà ký làm chứng vào bản di chúc đó cho bà. Bản di chúc mà Tòa án đưa cho bà xem có trong hồ sơ đúng là bản di chúc mà Bà M đưa cho bà xem và ký. Chữ ký và chữ viết «Hằng – Nguyễn Thị Minh Hằng» - người làm chứng 3 đúng là chữ ký và chữ viết của bà. Khi Bà M đưa cho bà bản Di chúc, bà có xem và đọc bản di chúc. Bà M nói là bà xem trên mạng hướng dẫn viết di chúc nên bà viết theo. Bà hỏi lại Bà M là bà cho bà H tất cả nhà đất của bà à? Bà M gật đầu nên bà không hỏi thêm gì. Khi bà ký vào bản di chúc thì đã có chữ ký của chị Huyền và bà Nguyễn Thị N rồi. Sau khi ký xong thì bà trả lại bản di chúc cho bà Mậu. Bà có hỏi thêm Bà M là «bà lại còn điểm chỉ cơ à » thì Bà M gật đầu và nói «tôi làm theo trên mạng hướng dẫn thôi». Sau đó chị em nói chuyện khác, chứ không nói chuyện di chúc nữa. Khi đó chỉ có bà và Bà M với nhau, không có ai khác. Bà và Bà M không có quan hệ họ hàng gì, việc làm chứng của bà là hoàn toàn khách quan, trung thực. Do tuổi già, sức khỏe yếu nên bà đề nghị được

vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đề nghị không gửi giấy triệu tập cho bà.

Bản án dân sự sơ thẩm số 109 ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Tuấn M về việc chia thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị M .

- Công nhận Bản di chúc ngày 19/9/2020 của bà Nguyễn Thị M là hợp pháp.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của bà Nguyễn Thị M là ngày 23/10/2020.

- Bà Nguyễn Thị H là người được hưởng thừa kế di sản theo di chúc của bà Nguyễn Thị M là quyền sử dụng đất và 01 nhà cấp 4 tại thửa đất số 635, tờ bản đồ số 02, địa chỉ số 14 Ngõ 48 đường S, Thôn 3 xã S, huyện Đ, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 567879, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00469, ngày 18/9/2005 đứng tên bà Nguyễn Thị M .

- Đối với các di sản khác của bà Nguyễn Thị M là 03 nhẫn vàng và tài sản gắn liền với thửa đất số 635, tờ bản đồ số 02, địa chỉ số 14 Ngõ 48 đường S, Thôn 3 xã S, huyện Đ, thành phố Hà Nội gồm 01 gian bếp lợp tôn, 02 gian nhà kho lợp ngói, 01 nhà vệ sinh, 01 bể nước mưa xây, 02 trụ cổng, 02 đoạn tường bao, 01 sân gạch, 01 cây bưởi, 01 giếng khoan, 01 máy bơm nước, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Giành quyền khởi kiện đối với các di sản trên khi các đương sự có yêu cầu.

- Các đương sự không yêu cầu giải quyết công sức, đóng góp trong việc xây dựng di sản và chăm sóc bà Mậu. Các đương sự đều thừa nhận khi còn sống Bà M sống một mình, tự chăm sóc bản thân, kinh tế độc lập, không phụ thuộc vào ai, khi chết toàn bộ kinh phí mai táng đều sử dụng tiền do Bà M để lại.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Tuấn M1 , người liên quan ông Nguyễn Tuấn Đ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn M1 , người liên quan ông Nguyễn Tuấn Đ giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý chia thừa kế theo bản di chúc ngày 19/9/2020 của Bà M vì di chúc vô hiệu, Bà M viết khi không còn minh mẫn, đề nghị giám định lại di chúc và chia thừa kế theo pháp luật. Hủy bản án sơ thẩm do không có giấy báo những người liên quan nhưng vẫn xét xử vắng mặt, tòa sơ thẩm vẫn công nhận di chúc không hợp lệ. Ông M yêu cầu xem xét công sức chăm sóc Bà M là 400.000.000 đồng, phần sửa chữa năm 2017 là 44.200.000 đồng là tiền riêng của ông bỏ ra. Ông M xác nhận đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị M vì trước khi mất 03 ngày bà Mận đưa cho ông giữ.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị M theo bản di chúc ngày 19/9/2020. Không đồng ý với kháng cáo của Ông M , ông Đoan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Chủ tọa phiên tòa, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông M , ông Đoan. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông M , ông Đ trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức.

Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/7/2022, bà Hoa, Ông M , ông Đ có mặt. Các đương sự khác vắng mặt và có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án tạm ngừng phiên tòa để định giá bổ sung (phần sửa chữa nhà theo lời khai của Ông M) và ấn định phiên tòa tiếp theo vào ngày 11/8/2022. Tòa án đã giao Quyết định tạm ngừng phiên tòa, thông báo kết quả định giá bổ sung đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Thường, bà Tín, ông Đoan, Ông M , ông Mạc, ông Đông. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/8/2022 ông Đoan, ông Đông có mặt. Tòa án xét xử vắng mặt bà Thường, bà Tín, ông Mạc vì những người này đều xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Kháng cáo của ông Đoan, Ông M cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ huyết thống:

Các đương sự đều thống nhất xác nhận quan hệ huyết thống của bà Nguyễn Thị M như sau: Bà Nguyễn Thị M không có chồng con, bố mẹ Bà M là cụ Nguyễn Văn H (chết năm 1954) và cụ Nguyễn Thị L (chết năm 1974), cụ H và cụ Lkhông có con chung nào khác. Cụ H có hai vợ, vợ đầu là cụ Nguyễn Thị N (tên thường gọi là N), chết năm 1968. Cụ H và cụ N có 03 người con là Nguyễn Văn H(chết năm 2002) có vợ là Nguyễn Thị Sỉu (chết năm 2005), có 01 con là Nguyễn Văn Hảo chết năm 1976 không có vợ con. Ngoài ra ông H không có con đẻ, con nuôi nào khác; Nguyễn Thị T (tên thường gọi là Gái) chết năm 1992, không có chồng con; Nguyễn Văn T , chết năm 2016, có vợ là Nguyễn Thị L , chết năm 2010, có 08 người con chung là Nguyễn Tuấn M ; Nguyễn Tuấn M1 , Nguyễn Thị T , Nguyễn Tuấn Đ , Nguyễn Thị Minh T , Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1963, chết năm 1992, không có chồng con), Nguyễn Thị H , Nguyễn Văn Đông. Ngoài ra ông T không có con đẻ, con nuôi nào khác.

Bản án sơ thẩm xác định các ông bà Nguyễn Tuấn M , Nguyễn Tuấn M1 , Nguyễn Thị T , Nguyễn Tuấn Đ , Nguyễn Thị Minh T , Nguyễn Thị H , Nguyễn Văn Đ là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ ba của Bà M là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị M chết ngày 23/10/2020, căn cứ khoản 1 Điều 611 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định thời điểm mở thừa kế của Bà M là ngày 23/10/2020. Ngày 06/5/2021 bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia

thừa kế di sản là bất động sản, căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[2.2]. Xét kháng cáo của Ông M , ông Đ đối với bản di chúc ngày 19/9/2020 của bà Nguyễn Thị M và yêu cầu chia thừa kế di sản của Bà M theo bản di chúc này.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xuất trình bản chính di chúc ngày 19/9/2020 nên đảm bảo tính hợp pháp của chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông M , ông Đ kháng cáo cho rằng bản di chúc trên không có hiệu lực vì không hợp lệ, khi Bà M viết di chúc thì Bà M không còn minh mẫn, tại phần đầu di chúc Bà M viết "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Dân chủ công bằng văn minh" là đã thể hiện việc không minh mẫn của bà Mậu; phần tuổi thì có sửa chữa không có chữ ký nháy, diện tích đất ghi trong di chúc không đúng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ; không có bản đồ, số thửa đất, số giấy chứng nhận, chữ ký tại bản di chúc không đúng chữ ký của bà Mậu, dấu vân tay không nhìn thấy, khi lập di chúc không có người làm chứng trực tiếp.

Xét, di chúc ngày 19/9/2020 được lập thành văn bản.

Theo Kết luận giám định số 353/KL-C09-P5 ngày 18/2/2022 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: "Chữ viết trong bản di chúc so với chữ viết của Nguyễn Thị M trên mẫu so sánh do cùng một người viết ra; Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Thị M dưới mục " người lập di chúc" so với mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không".

Tại cấp phúc thẩm Ông M , ông Đ đề nghị giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của Bà M tại di chúc ngày 19/9/2020.

- Theo Kết luận giám định số 09 ngày 17/01/2023 của Phòng giám định KTHS - Bộ Quốc Phòng kết luận: "Chữ viết nội dung, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị M dưới mục Người lập di chúc trong bản di chúc ngày 19/9/2020 so với chữ viết Nguyễn Thị M trên mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Dấu vân tay bằng mực đỏ ở vị trí dưới chữ ký *Mậu* trong bản di chúc đề ngày 19/9/2020 không rõ đặc điểm chung, các đặc điểm riêng mờ, nhòe, không đủ yếu tố giám định truy nguyên đồng nhất. Không tiến hành giám định truy nguyên đồng nhất đối với chữ ký cần giám định dưới cụm chữ *Nguyễn Thị M* tại trang 2 di chúc".

Như vậy, kết quả giám định chữ ký tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều xác định chữ viết nội dung và họ tên *Nguyễn Thị M* dưới phần chữ ký của bản di chúc là do bà Nguyễn Thị M tự viết, thuộc trường hợp "*di chúc bằng văn bản không có người làm chứng, không bắt buộc phải công chứng, chứng thực*" theo quy định tại Điều 627, Điều 628, Điều 632 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Phù hợp với lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh H đều thống nhất trình bày là được Bà M đưa cho xem bản di chúc mà Bà M đã viết, ký sẵn và nhờ các bà ký làm chứng. Người làm chứng là bà Hằng khẳng định bà có hỏi lại Bà M về việc lập di chúc và nội dung di chúc, Bà M xác nhận đã viết bản di chúc theo hướng dẫn ở trên mạng và xác nhận để lại toàn bộ nhà đất cho bà Hoa. Mặt khác như phân tích nêu trên đây không phải là trường hợp "*di chúc bằng văn bản có người làm chứng*" theo quy định tại Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại địa phương, lời khai của bà Hoa, ông Mạc, bà Thường, bà Tín, ông Đông, ông Trần Hữu Thụ - trưởng thôn 3 và lời khai ban đầu của Ông M , ông Đ đều thể hiện: thực tế trước khi chết bà Nguyễn Thị M bị bệnh về xương khớp, đi lại khó khăn nhưng không ảnh hưởng đến nhận thức, hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, sáng suốt. Khi lập di chúc, Bà M không trao đổi nên không ai biết về việc bà lập di chúc, do vậy không có căn cứ xác định việc lập di chúc của Bà M là bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Còn việc ghi "Dân chủ công bằng văn minh" là thể hiện việc hạn chế trong hiểu biết của Bà M và không phải là nội dung bắt buộc theo quy định tại Điều 631 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với sửa chữa về tuổi là những sửa chữa nhỏ không làm thay đổi nội dung, không ảnh hưởng đến hiệu lực của di chúc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông M trình bày trước đây Bà M làm công việc kế toán, trước khi Bà M chết 03 ngày, Ông M có gặp Bà M và Bà M đã đưa cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và dặn dò ông làm mai táng trước sự chứng kiến của ông Đoan.

Kháng cáo của Ông M , ông Đ không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm xác định di chúc ngày 19/9/2020 thể hiện đúng ý chí của Bà M và công nhận di chúc có hiệu lực là có căn cứ.

[2.3] Về di sản được định đoạt trong Bản di chúc ngày 19/9/2020, ý chí của người lập di chúc - bà Nguyễn Thị M là giao tài sản của mình là 83,8m^2 đất và 03 gian nhà cấp 4 tại số 14 Ngõ 48 Thôn 3 S, huyện Đ, Hà Nội cho bà Nguyễn Thị H .

Tại Bản di chúc ngày 19/9/2020 không ghi số thửa đất, số giấy chứng nhận, bản đồ, ghi sai diện tích đất 83,9 m2 trong Giấy chứng nhận đã được cấp thành 83,8 m2 nhưng sai số là rất nhỏ không đáng kể do nhầm lẫn và trong di chúc đã ghi rõ diện tích đất thuộc địa chỉ số 14 ngõ 48 đường S, Thôn 3, xã S, huyện Đ, Hà Nội nên không làm thay đổi hiệu lực của di chúc. Bà M định đoạt đối với tài sản trên đất, ngôi nhà cấp 04 ba gian, phù hợp với kết quả xem xét thẩm định, định giá của Tòa án.

Các đương sự cũng thống nhất xác nhận nhà đất nêu trên là di sản của Bà M để lại, ngoài ra Bà M không còn nhà đất thổ cư nào khác, không có sự nhầm lẫn về tài sản thừa kế. Phù hợp với cung cấp của Ủy ban nhân dân xã S về nhà đất tại số 14 Ngõ 48 Thôn 3 xã S, huyện Đ, Hà Nội, diện tích 83,9m^2, thuộc thửa đất số 635, tờ bản đồ số 02, đã được UBND huyện Đ thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của Bà M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 567879 cấp ngày 18/9/2005 đứng tên bà Nguyễn Thị M , chính quyền địa phương không nhận được bất kì đơn thư khiếu nại nào về nhà đất tranh chấp.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở xác định Bản di chúc ngày 19/9/2020 của bà Nguyễn Thị M không trái pháp luật và đạo đức xã hội . Yêu cầu khởi kiện của bà H về việc chia thừa kế theo di chúc di sản của bà Nguyễn Thị M là có cơ sở nên chấp nhận . Xác định ngày 23/10/2020 là ngày mở thừa kế của Bà M và là thời điểm di chúc trên có hiệu lực. Phù hợp với quy định tại các Điều 624, 625, 626, 627, khoản 1 Điều 628, 630, 631, 633, Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kháng cáo của của ông Nguyễn Tuấn M1 , ông Nguyễn Tuấn Đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.4]. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản thể hiện : Diện tích thửa đất 83,9m^2, có giá trị quyền sử dụng đất ở: 83,9m^2 x 20.000.000 đồng/m^2 = 1.678.000.000 đồng; Trên thửa đất trên có tài sản gắn liền với đất là 01 gian bếp lợp tôn, 02 gian nhà kho lợp ngói, 01 nhà vệ sinh, 01 bể nước mưa xây, 02 trụ cổng, 02 đoạn tường bao, 01 sân gạch, 01 cây bưởi, 01 giếng khoan, 01 máy bơm nước. Giá trị tài sản trên đất là 76.970.800 đồng, gồm: Nhà cấp 4: 33,7m^2 x 2.284.000 đồng/m^2 = 76.970.800 đồng; 01 gian nhà bếp: 8m^2 x 1.273.000 đồng/m^2 = 10.184.000 đồng; 02 gian nhà kho: 13,8m^2 x 412.000 đồng/m^2 = 5.685.600 đồng; 01 bể nước mưa: 2,3m^3 x 882.000 đồng/m^3 = 2.028.600 đồng; 02 đoạn tường bao: (5,61m^2 + 4,95m^2) x 135.000đồng/m^2 = 1.425.600 đồng; 01 sân gạch: (5,3m^2 + 11,7m^2) x 239.000 đồng/m^2 = 4.063.000 đồng; 01 giếng khơi, máy bơm nước không sử dụng, cũ hỏng không còn giá trị sử dụng nên không định giá; 01 cây bưởi: 159.000 đồng; 01 nhà vệ sinh: 2,8m^2 x 412.000 đồng/m^2 = 1.153.600 đồng.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Tuấn M cho rằng công sức chăm sóc Bà M là 400.00.000 đồng, phần đóng góp sửa chữa năm 2017 là 44.200.000 đồng là tiền riêng của ông bỏ ra. Đối với vợ Ông M là bà Nguyễn Thị Huệ trình bày số tiền sửa chữa là tiền riêng của Ông M , không phải tiền chung vợ chồng, việc chia thừa kế di sản của Bà M là việc riêng của gia đình Ông M nên bà Huệ không liên quan và không có quyền lợi gì, đề nghị không đưa bà vào tham gia tố tụng .

Nhưng Ông M thừa nhận Bà M là đối tượng thuộc hộ nghèo được nhận sự hỗ trợ của địa phương về kinh phí khi sửa chữa nhà ở. Sau khi được nhận tiền hỗ trợ Bà M đã trả nhưng Ông M không yêu cầu đối với số tiền 44.200.000 đồng đã bỏ ra mà tự nguyện đưa vào di sản của bà Mậu, kể cả trong trường hợp di chúc có hiệu lực pháp luật. Ngoài đề nghị nêu trên, Ông M không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, Ông M không thuộc trường hợp «người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc» và « những trường hợp thừa kế theo pháp luật» theo quy định tại Điều 644, Điều 650 BLDS năm 2015.

Vì vậy, ý kiến yêu cầu nêu trên của Ông M là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận khi còn sống Bà M là đối tượng hộ nghèo sống một mình, tự chăm sóc bản thân, kinh tế độc lập, không phụ thuộc vào ai, khi chết toàn bộ kinh phí mai táng đều sử dụng tiền do Bà M để lại. Các đương sự không yêu cầu giải quyết công sức, đóng góp trong việc xây dựng di sản và chăm sóc bà Mậu. Tòa không xét.

Ngoài ra, các đương sự trình bày Bà M còn để lại 03 nhẫn vàng hiện Ông M đang giữ. Các di sản này không được định đoạt trong di chúc ngày 19/9/2020 của bà Mậu. Nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Bản án sơ thẩm xác định di sản của Bà M định đoạt trong di chúc gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giá trị là: 1.678.000.000 đồng + 76.970.800 đồng = 1.754.970.800 đồng tại thửa đất số 635 tờ bản đồ số 02 địa chỉ số 14 Ngõ 48 đường S, Thôn 3 xã S, huyện Đ, thành phố Hà Nội và bà Nguyễn Thị H là người được hưởng thừa kế di sản theo di chúc của bà Nguyễn Thị M là có căn cứ. Tuy nhiên cần sửa án sơ thẩm về cách tuyên bản án.

Bà Nguyễn Thị H là người được hưởng thừa kế di sản của Bà M là nhà đất Bà H có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang

tên nhà đất theo quy định pháp luật. Bị đơn Ông M đang quản lý giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 567879 cấp ngày 18/9/2005 đứng tên bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm giao nộp lại.

[2.5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia là 64.649.000 (*Sáu mươi tư triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn M1 , ông Nguyễn Tuấn Đ là Người cao tuổi. Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Ông M , ông Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 186, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 309, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 609, 610, 611, 612, 623,624, 625, 626, 627, 630, 631, 633, 643 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm b khoản 1 khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn M1 , ông Nguyễn Tuấn Đ . Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 109 ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ và Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Tuấn M về việc chia thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị M .

[2]. Xác định bà Nguyễn Thị M đã chết ngày 23/10/2020 có để lại Bản di chúc ngày 19/9/2020. Thời điểm mở thừa kế của Bà M là ngày 23/10/2020.

[3]. Công nhận Bản di chúc ngày 19/9/2020 của bà Nguyễn Thị M là hợp pháp và có hiệu lực.

[4]. Xác định di sản để lại của bà Nguyễn Thị M theo di chúc ngày 19/9/2020 gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giá trị là 1.754.970.800 đồng tại thửa đất số 635 tờ bản đồ số 02 địa chỉ số 14 Ngõ 48 đường S, Thôn 3 xã S, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 567879, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00469 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/9/2005 đứng tên bà Nguyễn Thị M .

[5]. Bà Nguyễn Thị H được hưởng thừa kế di sản theo di chúc ngày 19/9/2020 của bà Nguyễn Thị M để lại đã được xác định tại khoản [4] Quyết định của bản án này.

[5.1] Đối với bà Nguyễn Thị H được giao quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại khoản [4, 5] phần quyết định của bản án này có

quyền, nghĩa vụ chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với diện tích đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất được (giao) chia theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

[5.2] Khi có yêu cầu: Ông Nguyễn Tuấn M là người đang quản lý (giữ) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 567879, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00469 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/9/2005 đứng tên bà Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ giao lại cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật. Trường hợp người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không giao hoặc không thể giao lại được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án dân sự năm 2014, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Thi hành án dân sự và quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6]. Về án phí :

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.649.000 (*Sáu mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự bà H đã nộp là 21.000.000 *(Hai mươi mốt triệu)* đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/00015162 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Hà Nội. Bà H còn phải chịu số tiền là 43.649.000 (*Bốn mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn M1 , ông Nguyễn Tuấn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử công khai phúc thẩm và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *TAND H. Đ ;*
- *VKSND TP Hà Nội*
- *Chi cục THADS H.Đ;*
- *Lưu HS, VP*.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Toàn Giang